

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay giải thể Liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp Trung ương gọi tắt là Liên hiệp xã Trung ương, thành lập theo Nghị định số 279-CP ngày 2-11-1978 của Hội đồng Chính phủ.

Điều 2. — Ban Tổ chức của Chính phủ cùng Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức việc kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất và cán bộ, nhân viên của Liên hiệp xã, kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng việc chuyển giao cho Ban trụ bị đại hội thành lập Hội đồng Trung ương các hợp tác xã và các đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh quản lý sử dụng và những tài sản, cơ sở vật chất giao cho cơ quan khác quản lý sử dụng.

Điều 3. — Việc giải thể và việc xử lý tài sản, vật tư, biên chế v.v... phải hoàn thành trong quý 2 năm 1990.

Điều 4. — Chủ nhiệm Liên hiệp xã Trung ương, thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
TRẦN ĐỨC LƯƠNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

THÔNG TƯ Liên bộ số 4-TT/LB ngày 6-3-1990 quy định trách nhiệm, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa ba ngành Lâm nghiệp, Kinh tế đối ngoại, Hải quan trong việc quản lý và kiểm tra xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản.

Căn cứ Quyết định số 99 — CT ngày 24-4-1989, của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chế biến từ gỗ, Quyết định số 276 — CT ngày 6-10-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về quản lý hạn ngạch và giấy phép xuất, nhập khẩu hàng hóa, Nghị định số 39 — CP ngày 5-4-1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về săn bắt chim thú rừng, Quyết định số 34 — HĐBT ngày 3-2-1990 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sắp xếp lại tổ chức dịch vụ sản xuất và xuất, nhập khẩu lâm sản.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng ngành:

Liên Bộ Bộ Lâm nghiệp — Bộ Kinh tế đối ngoại — Tổng cục Hải quan quy định trách nhiệm, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa ba ngành trong việc quản lý, kiểm tra xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản bằng đường mậu dịch và phi mậu dịch như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản bao gồm các loại sau đây:

a) Lâm sản: gồm gỗ tròn, gỗ xẻ, đặc sản rừng, cây thuốc và thực vật quý hiếm lấy từ rừng, động vật rừng, lâm sản phụ khác.

b) Sản phẩm chế biến từ lâm sản: gồm gỗ lạng, ván sàn, đồ gỗ, hạt giống cây rừng, sản phẩm chế biến từ động vật rừng và thực vật rừng.

2. Lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản xuất khẩu, được chia thành các nhóm sau đây:

a) Nhóm cấm xuất khẩu: gỗ quý hiếm, gỗ tròn, đặc sản rừng và động vật rừng quý hiếm (phụ lục 1 đính kèm).

b) Nhóm được xuất khẩu có các điều kiện sau:

— Khả năng tài nguyên rừng có thể đáp ứng

— Có hiệu quả kinh tế

— Có thị trường tiêu thụ được thể hiện bằng kế hoạch xuất khẩu hàng năm (phụ lục 2 đính kèm).

c) Nhóm được xuất khẩu theo công ước quốc tế về buôn bán động vật và thực vật rừng quý hiếm (Cites) (phụ lục 3 đính kèm).

d) Lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản, nếu không thuộc ba nhóm trên đây, được xuất khẩu theo nhu cầu.

Việc chia nhóm trên đây không áp dụng đối với lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản nhập khẩu.

3. Các đơn vị kinh tế trung ương và địa phương trong và ngoài ngành lâm nghiệp (dưới đây gọi tắt là đơn vị), tư nhân Việt Nam và nước ngoài (dưới đây gọi tắt là tư nhân) được phép xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản phải thực hiện đúng các quy định về quản lý lâm sản và quản lý xuất nhập khẩu của Nhà nước.

II. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP

1. Từng thời kỳ, Bộ Lâm nghiệp công bố danh mục lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản cấm xuất khẩu và được phép xuất khẩu có điều kiện.

2. Bộ Lâm nghiệp phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản bằng đường mậu dịch của các Bộ, các ngành và các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh) (qua đầu mối sở nông-lâm-nghiệp hoặc sở lâm nghiệp) trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt.

3. Cấp các loại giấy tờ cần thiết cho các đơn vị và tư nhân đề xuất trình với Bộ Kinh tế đối ngoại hoặc Tổng cục Hải quan khi xin phép xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản:

a) Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp ký giấy chứng nhận được phép

xuất khẩu đối với các loại lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản ghi tại phụ lục 1 (mục I, mục II, mục III) đính kèm.

b) Cục trưởng Cục Kiểm lâm nhân dân được Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp ủy quyền ký giấy chứng nhận được phép xuất khẩu đối với động vật rừng và thực vật rừng quý hiếm ghi tại phụ lục 3 và phụ lục 1 (mục IV) đính kèm.

III. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA NGÀNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Bộ Kinh tế đối ngoại cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản bằng đường mậu dịch theo đúng quy định tại Quyết định 276-CT ngày 6-10-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thông tư liên Bộ Bộ Kinh tế đối ngoại — Tổng cục Hải quan số 24 TT/LB-KTĐN-TCHQ ngày 8-11-1989 và căn cứ thông báo kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản của Bộ Lâm nghiệp.

2. Bộ Kinh tế đối ngoại cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản cho các đơn vị theo các quy định tại Thông tư số 24 TT/LB dẫn chiếu trên và các quy định tại điểm 3 mục II Thông tư này.

IV. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA NGÀNH HẢI QUAN

1. Tổng cục Hải quan và Hải quan cấp tỉnh cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản bằng đường phi mậu dịch theo quy định hiện hành và quy định tại điểm 3 mục II Thông tư này.

2. Hải quan cửa khẩu chỉ cho xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản theo đúng giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Kinh tế đối ngoại cấp (đối với hàng xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường mậu dịch) hoặc của Hải quan cấp tỉnh trở lên cấp (đối với hàng xuất, nhập khẩu bằng đường phi mậu dịch) và

đối với gỗ tròn, gỗ xẻ xuất khẩu (dày từ 5 cm trở lên) phải có dấu búa kiểm lâm, lý lịch gỗ và biên lai thu tiền nuôi rừng đối với lâm sản kèm theo.

V. QUAN HỆ PHỐI HỢP

1. Bộ Lâm nghiệp thông báo cho Bộ Kinh tế đối ngoại và Tổng cục Hải quan:

a) Kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản hàng năm của các Bộ, các ngành và các tỉnh được Nhà nước duyệt;

b) Các quy định mới của Nhà nước và của Ngành về quản lý lâm sản.

2. Bộ Kinh tế đối ngoại thông báo cho Bộ Lâm nghiệp và Tổng cục Hải quan hạn ngạch xuất khẩu lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản đã cấp cho các Bộ, các ngành và các tỉnh.

3. Tổng cục Hải quan thông báo cho Bộ Lâm nghiệp và Bộ Kinh tế đối ngoại:

a) Số liệu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản xuất khẩu, nhập khẩu 6 tháng và hàng năm của các đơn vị và tư nhân;

b) Tình hình và số vụ vi phạm pháp luật hải quan và pháp luật lâm nghiệp của các đơn vị và tư nhân.

4. Các cấp của ngành lâm nghiệp, hải quan khi phát hiện các đơn vị và tư nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật lâm nghiệp thì thông báo và phối hợp để cùng có biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời.

5. Các cấp có thẩm quyền của ngành hải quan và ngành lâm nghiệp (kiểm lâm nhân dân) thông báo và phối hợp điều tra những vụ buôn lậu lâm sản và sản phẩm chế biến từ lâm sản qua biên giới theo đúng pháp luật hiện hành.

6. Hàng năm, thủ trưởng các ngành lâm nghiệp, kinh tế đối ngoại, hải quan ở trung ương và các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương họp 1 lần để kiểm điểm, đánh giá công tác phối hợp và giải quyết những vấn đề do tình hình mới phát sinh.

VI. XỬ LÝ VI PHẠM

1. Các hành vi vi phạm chế độ cấp hạn ngạch và giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản của các đơn vị và tư nhân thì thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ Kinh tế đối ngoại.

2. Các hành vi vi phạm pháp luật hải quan như xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản và các sản phẩm chế biến từ lâm sản không có giấy phép của Bộ Kinh tế đối ngoại (đối với xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường mậu dịch) hoặc của hải quan (đối với xuất khẩu, nhập khẩu bằng đường phi mậu dịch) hoặc giấy phép quá hạn thì thuộc thẩm quyền xử lý của hải quan.

3. Khi làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu mà phát hiện gỗ không có dấu búa kiểm lâm, sai với lý lịch gỗ thì Hải quan lập biên bản tạm giữ và chuyển cho cơ quan lâm nghiệp (Kiểm lâm nhân dân) cùng cấp xử lý.

4. Đối với lâm sản, sản phẩm chế biến từ lâm sản xuất khẩu, nhập khẩu của các đơn vị và tư nhân vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật lâm nghiệp, trong khi chờ các cấp có thẩm quyền của Hải quan hoặc Lâm nghiệp (Kiểm lâm nhân dân) xử lý, thì ngành nào phát hiện vi phạm, lập biên bản thì ngành đó chịu trách nhiệm bảo quản.

5. Những cá nhân, đơn vị phát hiện những vụ vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật lâm nghiệp mà dương sự bị tịch thu tang vật hoặc bị phạt hoặc bị truy thu tiền nuôi rừng thì được trích thưởng theo quy định chung hiện hành của Nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ba ngành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo hệ thống dọc của ngành và phổ biến, hướng dẫn các đơn vị và tư nhân có liên quan để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, các cấp của ngành lâm nghiệp (Kiểm

